TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
Xã Hiệp Thạnh-Huyện Gò Dầu-Tỉnh Tây Ninh

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.25**	94.396.720.278	56.007.799.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02)	**10**		94.396.720.278	56.007.799.735
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.28**	45.265.367.978	33.856.411.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		49.131.352.300	22.151.387.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.29**	14.546.192.957	703.120.057
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.30**	1.127.690.014	483.849.797
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*1.127.690.014*	*483.849.797*
8. Chi phí bán hàng	**24**		932.760.098	555.321.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		4.694.161.209	4.782.200.153
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ KD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	**30**		56.922.933.936	17.033.136.811
11. Thu nhập khác	**31**		13.369.468.282	4.477.250.005
12. Chi phí khác	**32**		6.122.483.128	2.708.652.048
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		7.246.985.154	1.768.597.957
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		64.169.919.090	18.801.734.768
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**VI.31**	8.373.017.029	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**VI.32**	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		55.796.902.061	18.801.734.768
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		1.860	627

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TR	KT TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN NGỌC ẨN		Lê Văn Chành

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH